

# MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC ĐẾN NĂM 2030

**Đặng Công Hiến<sup>1</sup>**

*Thời gian qua, kinh tế - xã hội các địa phương trong Vùng trung du miền núi phía Bắc (TDMNPB) đã đạt được một số thành tựu nhất định. Cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng, từng bước hoàn thiện đã làm thay đổi tích cực diện mạo của vùng. Kinh tế tăng trưởng cao hơn bình quân cả nước, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ; bước đầu phát triển sản xuất hàng hóa gắn với thị trường. Tuy nhiên, do xuất phát điểm thấp, đến nay vùng TDMNPB vẫn là vùng khó khăn nhất cả nước. Là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng, giàu tài nguyên và có vai trò quyết định đối với môi trường sinh thái của cả vùng Bắc Bộ nhưng đây vẫn là "vùng trũng" trong phát triển và là "lỗi nghèo" của cả nước.*

*Nhằm phát triển mạnh mẽ hơn nữa vùng TDMNPB, ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW về Phương hướng phát triển kinh tế- xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết 11-NQ/TW đã xác định rất rõ mục tiêu tổng quát và một số chỉ tiêu cụ thể, thể hiện rõ khát vọng, ý chí và quyết tâm rất cao của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Để thực hiện mục tiêu phát triển vùng TDMNPB đến năm 2030, chính phủ và các địa phương cần xây dựng và triển khai đồng bộ các giải pháp để ngành công nghiệp (CN), thương mại (TM) của vùng phát triển đúng định hướng. Vấn đề đặt ra là cần phải thực hiện tái cơ cấu ngành CN, TM các địa phương trong vùng. Việc này phải được thực hiện trên cơ sở những quan điểm và định hướng phù hợp.*

**Từ khóa:** Công nghiệp; Tái cơ cấu; Thương mại; Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

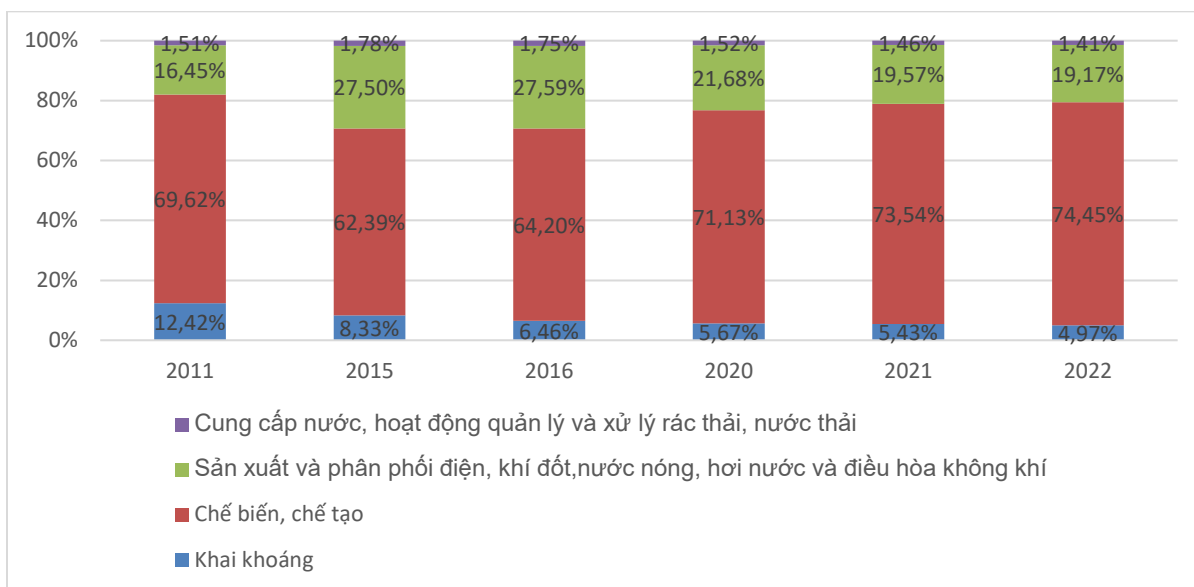
## **1. Thực trạng cơ cấu ngành CN, TM địa phương vùng TDMNPB**

### **1.1. Thực trạng cơ cấu ngành CN các địa phương vùng TDMNPB**

Giai đoạn 2011-2022, cơ cấu giá trị các ngành sản xuất công nghiệp của toàn vùng TDMNPB có sự thay đổi theo chiều hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, giảm tỷ trọng ngành công nghiệp khai khoáng, khai thác tài nguyên. Tỷ trọng của CN chế biến chế tạo trong ngành CN của vùng tăng từ 69,62% năm 2011 lên 71,13% năm 2020, trong khi ngành khai khoáng lại giảm từ 12,42% năm 2011 xuống 5,67% năm 2020. Đến năm 2022, tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục tăng lên mức 74,45% và tỷ trọng ngành khai khoáng giảm xuống còn 4,97%.

---

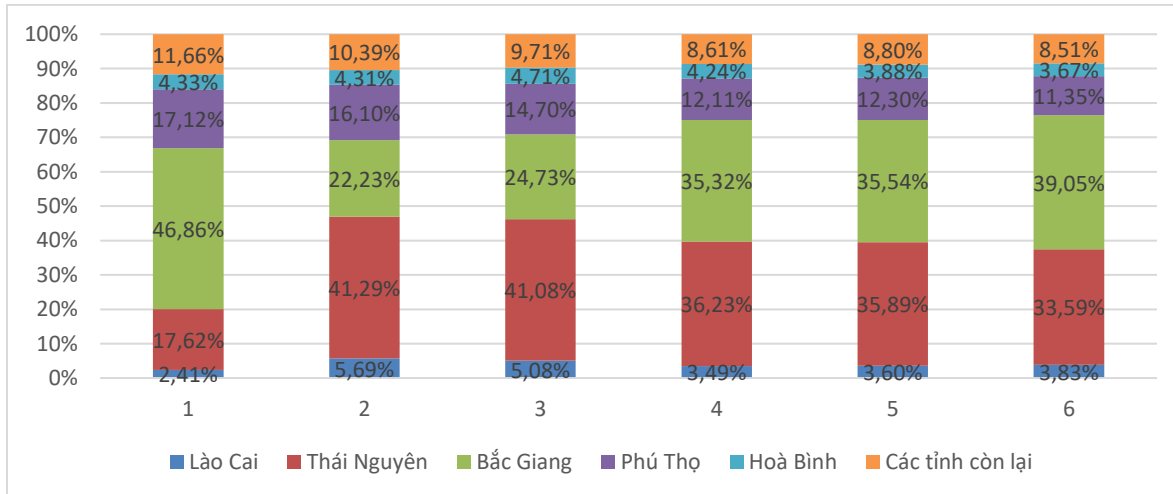
<sup>1</sup> Tiên sĩ, Phó trưởng phòng Quản lý khoa học và đào tạo – Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương



**Hình 1.1. Cơ cấu các ngành công nghiệp của vùng TDMNPB (%)**

*Nguồn: Niên giám thống kê của các tỉnh vùng TDMNPB*

Ngành công nghiệp chế biến chế tạo của các địa phương trong vùng cũng có sự phát triển không đồng đều. Sự phát triển của ngành này chủ yếu do sự tăng trưởng của ngành này tại hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Giang với sự phát triển của ngành công nghiệp điện tử. Năm 2017, tỷ trọng đóng góp vào giá trị ngành chế biến chế tạo của hai tỉnh này là 64,8% nhưng đến năm 2021 đã tăng lên 75,5%.



**Hình 1.2. Cơ cấu ngành công nghiệp chế biến, chế tạo các địa phương vùng TDMNPB giai đoạn 2011-2022 (%)**

*Nguồn: Niên giám thống kê của các tỉnh vùng TDMNPB*

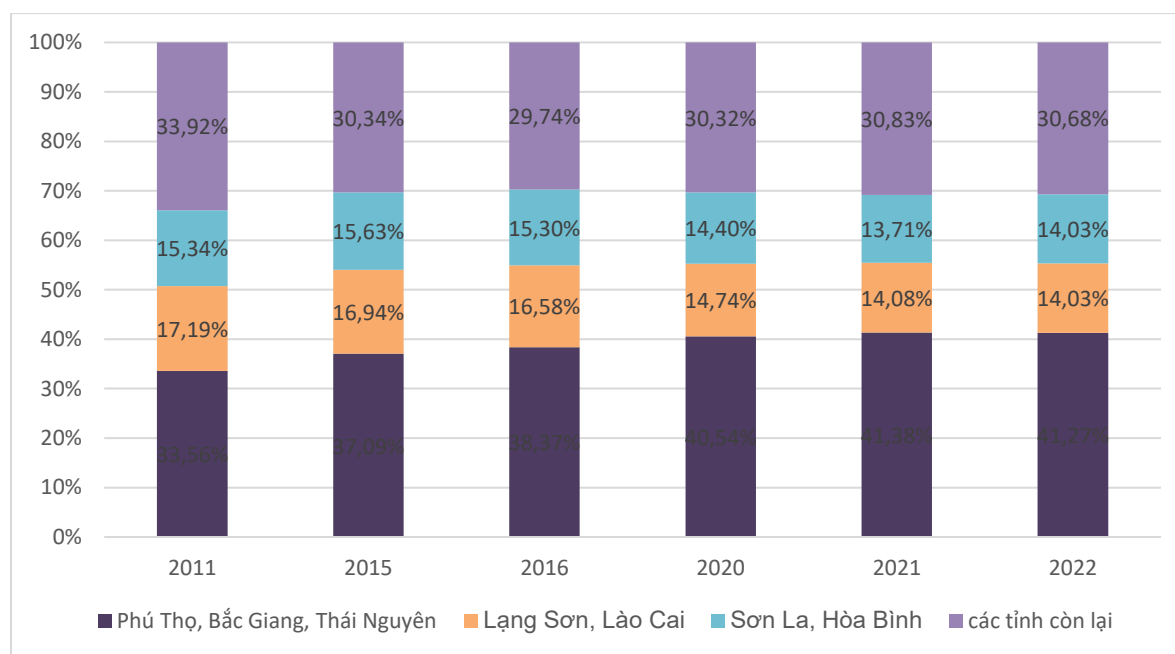
Ngành khai khoáng chủ yếu tập trung tại các tỉnh có tài nguyên khoáng sản như: Lào Cai, Thái Nguyên, Yên Bái, Bắc Giang. Một số tỉnh khác như Lai Châu với mỏ đất hiếm có trữ lượng lớn nhất cả nước chưa đủ điều kiện khai thác và sử dụng.

Ngành sản xuất và phân phối điện có sự dịch chuyển về các địa phương có nhiều điều kiện phát triển như Sơn La, Hòa Bình, Lai Châu, Lào Cai. Ở các địa phương này, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo kém phát triển.

### 1.2. Thực trạng cơ cấu thương mại các địa phương vùng TDMNPB

Trong giai đoạn 2011-2022, cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (TMBLHH&DTDVTD) giữa các địa phương trong vùng có sự thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng đóng góp của nhóm các tỉnh nằm ở phía Bắc của vùng thủ đô là Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ. Trong khi, nhóm các tỉnh có lợi thế về kinh tế biên mậu như Lào Cai, Lạng Sơn, các tỉnh là vùng chế biến nông sản gồm Hòa Bình, Sơn La và nhóm các tỉnh còn lại đều giảm tỷ trọng đóng góp.

Đơn vị: %



**Hình 1.3. Cơ cấu TMBLHH và DTDVTD các địa phương vùng TDMNPB giai đoạn 2011-2022 (%)**

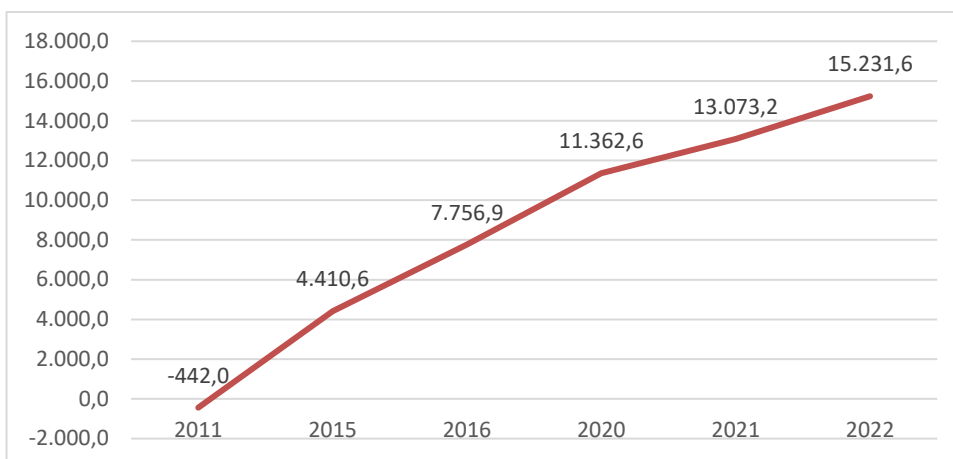
*Nguồn: Niên giám thống kê của các tỉnh vùng TDMNPB*

Cơ cấu giá trị tăng thêm ngành bán buôn, bán lẻ giữa các địa phương trong vùng giai đoạn 2011-2022 có sự chuyển dịch sang các tỉnh có những thuận lợi về giao thông hay các tỉnh có sản phẩm đặc trưng.

Kim ngạch xuất khẩu của vùng đã có sự phát triển mạnh mẽ, qua đó gia tăng lớn tỷ trọng đóng góp trong kim ngạch xuất khẩu của cả nước, từ mức 2,08% năm 2011 tăng lên 14,91% năm 2020, năm 2022 tiếp tục tăng lên 18,13%. Sự thay đổi kim ngạch xuất khẩu của vùng chủ yếu đến từ sự tăng trưởng mạnh mẽ kim ngạch xuất khẩu của các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Phú Thọ.

Kim ngạch nhập khẩu của vùng có sự tăng trưởng lớn, qua đó gia tăng đáng kể tỷ trọng đóng góp trong KNNK của cả nước, từ mức 2,30% năm 2011 tăng lên 11,71% năm 2020, năm 2022 tiếp tục tăng lên 15,52%. Sự thay đổi kim ngạch nhập khẩu của vùng chủ yếu đến từ sự tăng trưởng mạnh mẽ kim ngạch nhập khẩu của Thái Nguyên, Bắc Giang và Phú Thọ. Các địa phương này cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu kim ngạch nhập khẩu trong vùng.

Cán cân thương mại của vùng TDMNPB giai đoạn 2011-2022 có sự thay đổi tích cực, từ thâm hụt 442,0 triệu USD năm 2011 đã thặng dư 15.231,6 triệu USD.



**Hình 1.4. Sự thay đổi về cán cân thương mại vùng TDMNPB giai đoạn 2011-2022 (triệu USD)**

*Nguồn: Tổng cục hải quan, Niên giám thống kê toàn quốc, Niên giám thống kê các tỉnh vùng TDMNPB*

Giai đoạn 2015-2022, cả nước nói chung, vùng TDMNPB nói riêng đều có sự tăng trưởng mạnh mẽ về thương mại điện tử<sup>2</sup>, tuy nhiên thương mại điện tử của các tỉnh vùng còn kém với cả nước. Trong đó, các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang là các tỉnh phát triển mạnh nhất Vùng về thương mại điện tử, các tỉnh Hòa Bình, Tuyên Quang, Bắc Kạn kém phát triển nhất.

## **2. Quan điểm, định hướng tái cơ cấu ngành CN, TM các địa phương trong vùng TDMNPB đến năm 2030**

### **2.1. Quan điểm**

Tái cơ cấu CN, TM các địa phương vùng TDMNPB phải được thực hiện trên cơ sở các quan điểm sau:

- Tái cơ cấu CN, TM các địa phương vùng TDMNPB là nhằm phát triển vùng TDMNPB và các địa phương trong vùng, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh, đặc thù của vùng và các địa phương trong vùng, giữ gìn giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc trong vùng, biến khó khăn, thách thức thành cơ hội, biến các điểm yếu thành lợi thế phát triển; Là để thực hiện tái cơ cấu kinh tế của vùng theo hướng xanh, kinh tế tuần hoàn; Phát huy nội lực của vùng, đồng thời nhằm tăng cường thu hút mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng tăng trưởng của vùng. Phát triển hài hòa giữa các địa phương trong vùng, giảm thiểu sự chùng chေo trong đầu tư phát triển, cân bằng và nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư; Nhằm đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước.

- Tái cơ cấu là để phát triển nhanh và bền vững ngành CN, TM của vùng trên cơ sở phát huy vai trò động lực của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành. Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và địa bàn để phát huy tối đa lợi thế so sánh của quốc gia, vùng và địa phương trong vùng trong chuỗi giá trị. Chủ động, đi trước trong việc thử nghiệm và phát triển các mô hình tăng trưởng mới, khai thác có hiệu quả thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình hội nhập quốc tế.

- Tái cơ cấu ngành CN, TM các địa phương vùng TDMNPB phải phù hợp với quy luật

<sup>2</sup> Quy mô thương mại điện tử của Việt Nam đã tăng từ 4 tỷ USD năm 2015 lên 23 tỷ USD vào năm 2022

khách quan của nền kinh tế thị trường và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Nhà nước giữ vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện cơ chế theo hướng khoa học và hiện đại, tạo môi trường cho công nghiệp, thương mại của các địa phương trong vùng phát triển một cách thuận lợi, ổn định, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và bảo đảm quyền tự chủ, tự do kinh doanh của các chủ thể tham gia.

- Tái cơ cấu ngành CN, TM vùng là để phát huy năng lực nội tại của ngành CN, TM của vùng trên cơ sở tăng cường tự chủ về sản xuất và thị trường để nâng tầm năng lực sản xuất hiện tại và hình thành năng lực sản xuất mới có tính độc lập, thích ứng và có khả năng chống chịu trước các tác động, bất thường từ bên ngoài, bảo đảm tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Phát huy thế mạnh của thị trường vùng gắn với thị trường trong nước để củng cố nội lực là yếu tố quan trọng gắn với mở rộng, đa dạng hóa thị trường bên ngoài để tăng cường sức mạnh của vùng, của đất nước, nâng cao chất lượng tăng trưởng, chủ động hơn trong cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tái cơ cấu ngành CN, TM vùng phải được thực hiện đồng bộ trong tổng thể cơ cấu lại kinh tế của vùng, đảm bảo đồng bộ với tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực trọng tâm khác. Đồng bộ hóa các chính sách công nghiệp và thương mại với các chính sách khác để tạo lập các điều kiện cần và đủ cho thực hiện tái cơ cấu ngành.

Tái cơ cấu ngành CN, TM vùng phải được thực hiện trên cơ sở coi trọng liên kết nội vùng và liên vùng, mở rộng quan hệ hợp tác xuyên biên giới để tạo lập môi trường thuận lợi cho hợp tác phát triển ngành CN, TM vùng nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội của vùng nói chung. Thu hút các nguồn lực, các thành phần kinh tế đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, sản xuất kinh doanh; tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới, hiện đại.

Tái cơ cấu ngành CN, TM vùng phải được thực hiện một cách đồng bộ, có trọng tâm, triệt để, quyết liệt với sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các cấp uỷ, chính quyền trung ương và địa phương, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Phát huy vai trò tiên phong, chủ động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở củng cố nhận thức, tăng cường đồng thuận, kết hợp hiệu quả giữa điều phối, phối hợp với phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ, theo nguyên tắc bám sát thực tiễn, coi trọng thực chất. Có hệ thống theo dõi, giám sát thông qua các chỉ tiêu cụ thể đo lường kết quả tái cơ cấu và gắn liền với trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, hiệu quả các nhiệm vụ đạt mục tiêu đề ra.

## **2.2. Định hướng**

*Thứ nhất*, tái cơ cấu ngành CN, TM các địa phương vùng TDMNPB phải gắn với mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước và giữ gìn bản sắc văn hoá các dân tộc trong vùng.

*Thứ hai*, tái cơ cấu ngành CN, TM các địa phương vùng TDMNPB cần phải xác định được các động lực tăng trưởng mới của ngành CN, TM để nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu với những cú sốc và khai thác có hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế:

- *Đối với CN*, cần xác định trọng tâm ưu tiên là phát triển công nghiệp nền tảng để làm chủ khu vực sản xuất, đặc biệt là tư liệu sản xuất cho các ngành CN xuất khẩu và nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất; Phát triển CN chế tạo thông minh là bước đột phá nhằm hình thành năng lực sản xuất mới gắn với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- *Đối với TM*, phát huy thế mạnh của thị trường trong vùng, trong nước để củng cố nội lực là yếu tố quyết định gắn với mở rộng thị trường xuất khẩu, trong đó, xác định thương mại điện tử là động lực tăng trưởng quan trọng của kinh tế số. Ưu tiên phát triển các mô hình kinh tế tiêu dùng mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế đêm, kinh tế du lịch, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

*Thứ ba*, tập trung nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng trong sản xuất, xuất khẩu và sức cạnh tranh của ngành CN, TM. Nhấn mạnh các nội dung về phát triển kinh tế số và chuyển đổi số với việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao là nền tảng cơ bản để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành gắn liền với việc tiếp tục cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo chiều sâu.

*Thứ tư*, chú trọng nâng cấp và phát triển các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị của các ngành dựa trên các lợi thế so sánh ở cấp độ quốc gia, vùng và địa phương để nâng cao giá trị gia tăng, tăng cường năng lực tự chủ của ngành.

Tập trung phát triển hoàn chỉnh hệ thống sản xuất CN trong vùng thông qua việc nâng cấp và phát triển chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị của các ngành CN; Cơ cấu lại không gian lãnh thổ phát triển các ngành CN theo hướng hình thành hệ thống cụm liên kết các ngành CN chuyên môn hóa và các tổ hợp CN quy mô lớn, hiệu quả cao theo lợi thế của các địa phương của vùng. Theo đó, nên tập trung bố trí phát triển CN tại khu vực vùng động lực phát triển thuộc các tỉnh nằm trong vùng Thủ đô như: Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ, Hòa Bình và dọc theo các hành lang phát triển, tập trung đầu tư Bắc Giang thành Trung tâm công nghiệp vùng; Phát triển và nâng cấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu đối với ngành công nghiệp xuất khẩu có sức cạnh tranh quốc tế.

Nâng cấp và phát triển hoàn chỉnh hệ sinh thái xuất nhập khẩu nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển đồng bộ và hiệu quả hệ thống hạ tầng logistics phục vụ xuất nhập khẩu; đẩy mạnh phát triển thương hiệu hàng hóa của vùng ở nước ngoài, nâng cao khả năng đáp ứng quy định, tiêu chuẩn cao về chất lượng của các thị trường xuất khẩu.

Phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa của vùng để kết nối giữa sản xuất với thị trường, thực hiện nhất quán quản lý chất lượng hàng hóa lưu thông trong nước bằng các quy định, tiêu chuẩn phù hợp với thông lệ quốc tế; ưu tiên phát triển chuỗi cung ứng các mặt hàng nông sản, thực phẩm.

*Thứ năm*, tập trung và ưu tiên phát triển các tập đoàn, doanh nghiệp lớn có thương hiệu và có năng lực cạnh tranh toàn cầu trên địa bàn vùng để làm đầu tàu cho phát triển.

*Thứ sáu*, xanh hóa ngành CN, TM, thực hiện phát triển bền vững: Chú trọng phát triển CN xanh và đẩy mạnh xanh hóa CN; tập trung phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và đảm bảo sản xuất, phân phối và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thúc đẩy tiêu dùng xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn trên địa bàn vùng.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Chính trị khóa XIII (2022), *Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở vùng trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.*
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), *Báo cáo quan điểm, mục tiêu các định hướng phát triển vùng Trung du miền núi phía Bắc Việt Nam giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2050;*
3. Chính phủ (2021), *Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.*
4. Chính phủ (2022), *Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 ban hành Chương trình hành*

*động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

5. Cục thống kê các tỉnh vùng trung du miền núi phía Bắc, *Niên giám thống kê các tỉnh vùng TDMNPB năm 2022;*
6. Nguyễn Chí Dũng (2022), *Liên kết phát triển vùng trung du và miền núi Bắc Bộ trong quy hoạch phát triển vùng*, Tạp chí Cộng sản.
7. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 về việc phê duyệt Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025.*
8. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 về việc phê duyệt Chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.*
9. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 259/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 về việc phê duyệt Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.*
10. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 493/QĐ-TTg ngày 19/4/2022 phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030.*
11. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030;*
12. Tổng cục Thống kê (2023), *Niên giám thống kê 2022*, NXB Thống kê;

## **SOME VIEWS AND ORIENTATIONS FOR RESTRUCTURING INDUSTRY AND TRADE IN LOCALITIES OF THE NORTHERN MIDDLELAND AND MOUNTAINOUS REGION BY 2030**

**Dang Cong Hien**

*In recent times, socio-economic localities of the Northern Midlands and Mountains Region have achieved certain achievements. Infrastructure has been invested in and gradually improved, positively changing the appearance of the region. Economic growth is higher than the national average rate, the economic structure is shifting towards increasing the proportion of industry and services; Initial development of commodity production linked to the market. However, due to a low starting point, the Region remains the most difficult region in the country. Being a particularly important strategic area, rich in resources and playing a decisive role in the ecological environment of the entire Northern region, being a “trough area” in development and the “poor area” of the whole country.*

*In order to further strongly develop the Northern Midland and Mountainous region, on February 10<sup>th</sup>, 2022, the XIII Politburo issued Resolution No. 11-NQ/TW on Socio-economic development directions, ensuring national defense and security in the Northern midlands and mountainous regions by 2030, with a vision to 2045. Resolution 11-NQ/TW has clearly defined the overall goal and a number of specific targets, clearly demonstrating the very high aspirations, will and determination of the Party, State and People. To achieve the goal of developing the Northern Midland and Mountainous region by 2030, the government and localities need to develop and synchronously deploy solutions for the region’s industry and trade to develop in the right direction. Therefore, it is necessary to restructure the industrial and trade sectors of localities in the region. This must be done on the basis of appropriate views and orientations.*

**Keywords:** *Industry; Northern midland and mountainous region; Restructuring; Trade.*